

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXX-ST ngày 22/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HPT ngày 22/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn 4, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tô 1, thôn 2, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(*Bà T có đơn xin vắng mặt, ông T1 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu bà T và ông T1 sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau và không tin tưởng lẫn nhau. Ông Nguyễn Văn T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, khi nóng giận thì có đánh đập, phá đồ đạc trong

nhà. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2001; cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Thị Thanh H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3 sinh ngày 19/09/2008.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên sống với ai là quyền của các cháu.

Bà Trần Thị T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh H2 và cháu Nguyễn Trung H3.

Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 không đến tòa án để tham gia phiên tòa.

Trong quá trình làm việc tại tòa án ông T1 trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì ông T1 và bà T mới đi đến hôn nhân. Ông T1 và bà T đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, sống hạnh phúc đến cuối 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 và bà T bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Trong thời gian qua thì bà T có đi làm ăn dật dãi với người khác nên nhiều lúc ông T1 có ghen tuông vô cớ nên vợ chồng có xung đột, cãi vã nhau. Hiện vợ chồng đang sống ly thân khoảng 02 tháng.

Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2001; cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3 sinh ngày 19/09/2008.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1, xét thấy ông T1g vẫn còn tình cảm với bà T, ông T1 mong muốn gia đình đoàn tụ, hàn gắn, con cái có đủ cả ba và mẹ nên ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/03/2001; cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1, sinh ngày 31/01/2003; cháu Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3 sinh ngày 19/09/2008.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên sống với ai là quyền của các cháu.

Ông Nguyễn Văn T1 đồng ý cho bà Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thúy H2 và cháu Nguyễn Trung H3. Ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông T1 thì không đồng ý ly hôn nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/03/2001; cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1, sinh ngày 31/01/2003; cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3 sinh ngày 19/09/2008.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên sống với ai là quyền của các cháu.

Bà T có nguyện vọng và ông Nguyễn Văn T1 đồng ý cho bà Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H2 và cháu Nguyễn Trung H3. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên cần xử chấp nhận yêu cầu của bà T, ông T1. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông T1 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Văn T1 là xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu bà T và ông T1 sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau và không tin tưởng lẫn nhau. Ông

Nguyễn Văn T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, khi nóng giận thì có đánh đập, phá đồ đạc trong nhà. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Còn theo ông Trung thì vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên, hiện nay ông T1 còn tình cảm với bà T, mong muốn hàn gắn lại với nhau để gia đình, con cái hạnh phúc nên ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T. Tòa án đã triệu tập ông T1 đến phiên tòa nhưng ông T1 không đến. Như vậy giữa bà T và ông T1 có mâu thuẫn là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

[3] *Về con chung*: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/03/2001; cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1, sinh ngày 31/01/2003; cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3 sinh ngày 19/09/2008.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên sống với ai là quyền của các cháu.

Bà T có nguyện vọng và ông Nguyễn Văn T1 đồng ý cho bà Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H2 và cháu Nguyễn Trung H3. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên cần xử chấp nhận yêu cầu của bà T, ông T1.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông T1 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; các Điều 81; 82; 83;84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/03/2001; cháu Nguyễn Thị Thuỳ H1, sinh ngày 31/01/2003; cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3, sinh ngày 19/09/2008.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Thùy H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên sống với ai là quyền của các cháu.

Xử cho bà Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 01/03/2007 và cháu Nguyễn Trung H3, sinh ngày 19/09/2008.

Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T1 được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông T1 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Trần Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: 0005179 ngày 27/4/2023, bà T đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/8/2023), đương sự có quyền kháng cáo; đối với ông T1 vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan

